

Số: **154** /TB-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề),
HĐND tỉnh khoá XII, nhiệm kỳ 2021-2026

Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XII được tổ chức vào ngày 20/10/2023, tại Hội trường 2/9, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Tham dự kỳ họp có 64/69 đại biểu HĐND tỉnh và 26/28 đại biểu khách mời gồm: Thường trực Tỉnh ủy; UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh và lãnh đạo các sở, ngành của tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh thông báo kết quả của Kỳ họp như sau:

I. XEM XÉT BÁO CÁO CỦA UBND TỈNH

Thực hiện Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh về việc *giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững* tại Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 02/10/2023. Qua xem xét báo cáo và kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, do đó HĐND tỉnh thống nhất thông qua, đồng thời đề nghị các vị đại biểu HĐND tỉnh tiếp tục giám sát việc triển khai thực hiện.

II. XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH TẠI KỲ HỌP

Trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh; các vị đại biểu HĐND tỉnh đã thảo luận, xem xét **26** dự thảo nghị quyết, HĐND tỉnh đã quyết định thông qua **26** nghị quyết. Cụ thể như sau:

1. Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(2) Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, thụ hưởng nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện công tác Y tế dự phòng - Dân số.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

(3) Nội dung chi và mức chi đặc thù công tác Y tế dự phòng

a) Nội dung chi và mức chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh.

b) Nội dung chi và mức chi hỗ trợ khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, tham gia chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; khám bệnh, chữa bệnh kết hợp quân dân y.

c) Nội dung chi và mức chi hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật.

d) Nội dung chi và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống phong.

đ) Nội dung chi và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống lao.

e) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt rét.

f) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết.

g) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

h) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt.

i) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản.

k) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động tiêm chủng mở rộng.

l) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

m) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động an toàn thực phẩm.

n) Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

(4) Nội dung chi và mức chi đặc thù công tác Dân số

a) Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản cho đối tượng là người dân sống tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con.

- Hỗ trợ người tự nguyện triệt sản: 400.000 đồng/người.

- Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản: Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

b) Hỗ trợ chi phí bảo quản, tiếp nhận phương tiện tránh thai. Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật.

c) Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên dân số: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

2. Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với

công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(2) Đối tượng áp dụng

a) Người cai nghiện ma túy (cai nghiện bắt buộc và tự nguyện) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

b) Công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

(3) Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a) Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bắt buộc bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Tiền ăn ngày Lễ, Tết dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; tiền ăn các ngày Tết nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; tiền ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b) Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bắt buộc (kể cả băng vệ sinh đối với nữ) bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

c) Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú, gồm:

- Tiền ăn trong những ngày đi đường: 85.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 03 ngày.
- Tiền tàu xe: mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông.
- Tiền quần áo: 01 bộ/người.

(4) Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a) Hỗ trợ 100% chi phí thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

b) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, bao gồm:

- Chi phí cai nghiện ma túy: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp

dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Chi thuốc chữa bệnh thông thường: Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC.

c) Hỗ trợ tiền ăn và các khoản quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (kể cả băng vệ sinh đối với nữ) bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc.

(5) Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

a) Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành.

b) Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

(6) Trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động: Chi trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

3. Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(2) Đối tượng áp dụng: Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục đào tạo công lập và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

(3) Mức chi cụ thể cho một số nội dung:

a) Mức chi cụ thể cho một số nội dung thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

- Chi công tác phí để thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án và học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước: Thực hiện theo quy định tại Mục I Điều 1 của Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Mục II Điều 1 của Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho

các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập; chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Quy định mức chi cụ thể cho một số nội dung thực hiện công tác mở lớp xóa mù chữ, gồm:

- Chi hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm đối với các lớp xóa mù chữ tổ chức ban đêm: 160.000 đồng/lớp/tháng.
- Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập: tối đa 760.000 đồng/lớp.
- Chi mua sách giáo khoa dùng chung (sẽ thu hồi sau khi hoàn thành khóa học): 01 bộ sách giáo khoa/học viên và 01 bộ sách giáo khoa/giáo viên (chi theo hóa đơn thực tế, dự kiến khoảng 300.000 đồng/01 bộ sách giáo khoa).
- Chi cho người tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: 80.000 đồng/01 học viên đến lớp và hoàn thành chương trình học.

c) Những mức chi có liên quan để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện mức chi tối đa theo các quy định được dẫn chiếu tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan của Nhà nước.

4. Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều 9 như sau:

“a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn Tiểu dự án 1.”

(2) Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 như sau:

“a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Phân bổ vốn cho Nội dung 1 không quá 70% tổng số vốn của Tiểu dự án 2; trong đó:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ cho Ban Dân tộc không quá 40% tổng số vốn của Nội dung 1.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<i>Nội dung tiêu chí</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tổng số điểm</i>
Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,204	<i>a</i>	$0,204 \times a$
Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của các huyện, thị xã, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 06 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.”

(3) Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 2.1 khoản 2 Điều 14 như sau:

“a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 0,5% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án”.

5. Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) *Phạm vi điều chỉnh*: Nghị quyết này quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

(2) *Đối tượng áp dụng*: Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

(3) *Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*:

- Đảm bảo điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ “*Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*” (sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

- Gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương nơi triển khai dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất; phù hợp với lợi thế, thế mạnh của cộng đồng; bảo đảm tính hiệu quả, bền vững.

- Đảm bảo nguyên tắc bảo vệ môi trường theo quy định.

6. Nghị quyết số 62/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể:

a) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(2) Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

(3) Định mức hỗ trợ

a) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này:

- Không quá 2.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt.
- Không quá 1.500 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt.

b) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng quy định điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này: không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

7. Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực

hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

Thay thế cụm từ “sau khi được UBND tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành cụm từ “sau khi được UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm”.

8. Nghị quyết số 274/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đường từ xã Yang Nam đi xã Chợ Long, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai với nội dung sau:

- Vị trí: Tại lô 97, 102, khoảnh 2; lô 53, khoảnh 5, tiểu khu 776, xã Chợ Long; lô 35, khoảnh 1, tiểu khu 811; lô 37, khoảnh 1, tiểu khu 812; lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 813; lô 4, khoảnh 2 tiểu khu 814; lô 10, khoảnh 2 tiểu khu 815, xã Yang Nam, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- Diện tích rừng: 0,8 ha, trong đó rừng trồng đã thành rừng (RTG): 0,30 ha; rừng trồng chưa thành rừng (DTR): 0,50 ha.

- Trữ lượng rừng: Trữ lượng bình quân/ha: 26,3 m³/ha; tổng trữ lượng 7,89 m³. Rừng trồng chưa thành rừng, không xác định trữ lượng.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa trồng và quản lý.

- Loài cây: Bạch đàn.

9. Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku tại Bảng số 1: Bảng giá đất ở đô thị của Mục A, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 11/11/2019 của HĐND tỉnh.

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1: Mặt tiền tuyến đường
		Từ nơi	Nơi đến	
372	Nguyễn Văn Linh	Trường Chinh	Đến mét thứ 285	19.040.000

10. Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh thông qua quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045

(1) Tên đồ án quy hoạch

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045.

(2) Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Chư Ty, các xã: Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Diện tích tự nhiên khoảng 41.515ha. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Ia Chía (huyện Ia Grai)
- + Phía Đông giáp xã Ia Dơk (huyện Đức Cơ)
- + Phía Nam giáp xã Ia Puch (huyện Chư Prông)
- + Phía Tây giáp tỉnh Ratanakiri, Campuchia.

- Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

11. Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương

Điều chỉnh điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ- HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh “Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương)”; điểm a khoản 1 Điều 1, Phụ lục 2 Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh “Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai”; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh “Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai”; khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)”, cụ thể:

1. Đối với nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí

1.1. Điều chỉnh giảm vốn 150.709 triệu đồng, đối với các dự án sau:

(1) Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 80.000 triệu đồng (từ 128.000 triệu đồng còn 48.000 triệu đồng).

(2) Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Giảm 30.000 triệu đồng (từ 60.000 triệu đồng còn 30.000 triệu đồng).

(3) Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai: Giảm 30.000 triệu đồng (từ 60.000 triệu đồng còn 30.000 triệu đồng).

(4) Vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Giảm 10.709 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh tăng 150.709 triệu đồng cho vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

2.1. Điều chỉnh giảm 230.709 triệu đồng vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia (từ 624.313 triệu đồng còn 393.604 triệu đồng).

2.2. Điều chỉnh tăng 10.709 triệu đồng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (từ 103.311 triệu đồng tăng lên 114.020 triệu đồng).

3. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022

Điều chỉnh tăng 80.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 để bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia.

12. Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương

Điều chỉnh điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh *việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023, nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương*; điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh *về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương*, cụ thể:

1. Điều chỉnh vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí

1.1. Điều chỉnh giảm 8.986 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án các dự án bảo vệ phát triển rừng giảm 8.350 triệu đồng (giảm hết vốn cân đối theo tiêu chí bố trí năm 2023).

(2) Dự án Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đàm San giảm 636 triệu đồng (giảm từ 9.880 triệu đồng xuống còn 9.244 triệu đồng).

1.2. Điều chỉnh tăng 8.986 triệu đồng: Điều chỉnh tăng vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn 8.986 triệu đồng.

2. Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

2.1. Điều chỉnh giảm vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia của kế hoạch năm 2023 là 8.986 triệu đồng (từ 34.291 triệu đồng còn 25.305 triệu đồng).

2.2. Điều chỉnh giảm vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia - kinh phí bố trí để thực hiện các dự án giãn tiến độ do hụt thu năm 2022 với số vốn là 80.000 triệu đồng (điều chỉnh giảm vốn tại phụ lục 3 và phụ lục 3.1 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022).

3. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022

Điều chỉnh tăng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 với số vốn là 80.000 triệu đồng.

13. Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi

thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(1) Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023 là 2.677 biên chế (*Có bảng biên chế công chức của từng cơ quan, tổ chức hành chính của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện*).

(2) Phê duyệt tổng số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2023 là 26.103 biên chế (*đã bao gồm 1.244 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập được bổ sung cho năm học 2022-2023*).

14. Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh thông qua tổng định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền năm 2023

(1) Tổng số định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện năm 2023 là 180 chỉ tiêu.

(2) Tổng số định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền năm 2023 là 1.391 chỉ tiêu.

15. Nghị quyết số 281/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh thông qua tổng số biên chế của các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Tổng số biên chế của các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là 113 biên chế và định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 11 chỉ tiêu (bằng với tổng số biên chế và hợp đồng lao động được phê duyệt năm 2022).

16. Nghị quyết số 282/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số”

- Điều chỉnh khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 8 Điều 1 Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“1. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện đại, tập trung, thống nhất toàn tỉnh, đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật trung tâm dữ liệu theo quy định, phù hợp quy mô, đáp ứng hầu hết các nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan nhà nước của tỉnh, phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số và cung cấp thông tin, dịch vụ, đảm bảo phát triển, vận hành hệ thống ứng dụng Chính quyền số một cách an toàn, bảo mật.

Nâng cấp, mở rộng hạ tầng đảm bảo các yêu cầu kết nối mạng của Trung tâm dữ liệu bao gồm kết nối bên trong và kết nối ra bên ngoài với các hệ thống

thông tin của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh và kết nối với các hệ thống thông tin của Trung ương, các nền tảng Chính phủ số, đảm bảo an toàn dữ liệu và an ninh mạng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư là quy mô dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

Đầu tư các trang thiết bị thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, tiến tới Chính quyền số.

4. Tổng mức đầu tư: **73.346 triệu đồng** (Bảy mươi ba tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Năm 2021 - 2023: *Phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư.*

+ Năm 2024: *Triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư.*”.

- Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

17. Nghị quyết số 283/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương 2023 (đợt 4) và thông báo chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (nguồn vốn cân đối theo tiêu chí)

1. Giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí cho dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và cải tạo Nhà khách cũ thành trụ sở làm việc của Đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh Gia Lai với số vốn là 4.360 triệu đồng.

2. Thông báo chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 10.709 triệu đồng; cụ thể như sau:

(1) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 8.024 triệu đồng.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.685 triệu đồng.

18. Nghị quyết số 284/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(1) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phê duyệt cho các địa phương tại Phụ lục 2.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh “về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia”.

(2) Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai.

19. Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai

(1) Điều chỉnh điểm b, c khoản 2 và khoản 8 Điều 1 Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“2. Quy mô đầu tư:

b) Đường liên xã Tân An, Yang Bắc đi đường Đông Trường Sơn dài khoảng 11,2km, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005; tận dụng nền, mặt đường hiện trạng, mặt đường tại các vị trí làm mới và tại các vị trí tận dụng mở rộng 2 bên: Bm=5,5m; chiều rộng nền đường Bn=7,5m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 22cm.

Hạng mục thoát nước: Tại Km0+869,79m thiết kế công trình cầu bê tông cốt thép (dự kiến 2 nhịp 24m). Cầu rộng 8m, phần xe chạy rộng 7m. Tải trọng thiết kế HL-93, tầng suất thiết kế P=1%, tỉnh không thông thuyền, có cây trời; thiết kế hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông.

c) Đường từ núi đá lửa thôn An Định, xã Cư An, huyện Đak Pơ đi xã Kông Long Khong, huyện Kbang dài khoảng 1,45km (tận dụng 0,25km mặt đường BTXM hiện có); đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380:2014); chiều rộng mặt đường: Bm=3,5m; chiều rộng nền đường Bn=5,0m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M250, dày 20cm. Thiết kế hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Năm 2021: Quyết định chủ trương đầu tư dự án.

+ Năm 2022-2023: Quyết định đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án.

+ Năm 2024-2026: Triển khai thi công, hoàn thành dự án.”.

(2) Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

20. Nghị quyết số 286/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai

(1) Điều chỉnh khoản 2 và khoản 8, bổ sung khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

a) Đường Trần Quốc Toản (đoạn Quang Trung đến vành đai phía Bắc): Dài 2,2km, nền đường rộng 20m, mặt đường rộng 10,5m (kể cả đan rãnh) bằng bê tông nhựa dày 7 cm; hệ thống thoát nước dọc mương xây đập đan và cống tròn BTCT, thoát nước ngang cống hộp BTCT; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT.

b) Đường Tôn Đức Thắng (đoạn Chu Văn An đến Bùi Thị Xuân): Dài 1,69km, nền đường rộng 20,5m, mặt đường rộng 10,5m bằng bê tông nhựa dày 07 cm, dải phân cách rộng 2m; hệ thống thoát nước dọc mương xây đập đan và cống tròn BTCT, thoát nước ngang cống hộp BTCT; hệ thống an toàn giao thông.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
- Năm 2022-2023: Quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án.
- Năm 2024-2026: Triển khai thi công, hoàn thành dự án.

9. Nội dung khác: Vía hè thực hiện theo chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm.”.

(2) Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

21. Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai

(1) Điều chỉnh điểm khoản 2 và khoản 8, bổ sung khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“2. Quy mô đầu tư:

- Đường Trần Phú: Dài 419,83m, gồm 02 đoạn:
 - + Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Tôn Thất Tùng (Km0+00 - Km0+308,4m): Dài 308,4m; tận dụng quy mô đầu tư giai đoạn trước, mở rộng mặt đường mỗi bên từ 1,9m đến 2m để đạt kích thước $7,25m \times 2 = 14,5m$.
 - + Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Tuệ Tĩnh (Km0+308,4 - Km0+419,83): Dài 111,43m, nền đường $B_n = 35,0m$; mặt đường $B_m = 7,5m \times 2 = 15,0m$; lề đường rộng $1,0m \times 2 = 2,0m$; hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.
- Đường quy hoạch D1: Dài 1.366,9m; công trình giao thông cấp IV; nền đường rộng 12m; mặt đường rộng 10m; lề đường rộng $1m \times 2 = 2m$; kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa; cống thoát nước, cửa xả bằng kết cấu xây đá hộc kết hợp bê tông cốt thép; hệ thống thoát nước dọc và hệ thống an toàn giao thông.
- Đối với 03 tuyến đường còn lại giữ nguyên như quy mô đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;
- Năm 2022-2023: Quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án;
- Năm 2024-2026: Triển khai thi công, hoàn thành dự án.

9. Nội dung khác: Đối với hạng mục dải phân cách rộng 2m đường Trần Phú (đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Tuệ Tĩnh, lý trình: Km0+308,4 - Km0+419,83) không đầu tư trong giai đoạn này, hạng mục: Vía hè, hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, dải phân cách (nếu có), đề nghị thực hiện vào giai đoạn sau bằng ngân sách của huyện Mang Yang để đảm bảo quy hoạch được phê duyệt.”.

(2) Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

22. Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

(1) Điều chỉnh điểm b khoản 2, khoản 7, 8 Điều 1 Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“2. Bổ sung hạng mục điện chiếu sáng và trồng cây xanh trong dải phân cách.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 -2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, phê duyệt dự án.

- Năm 2022: Triển khai thi công dự án.

- Năm 2023 - 2024: Điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh phê duyệt dự án, thi công, hoàn thành dự án.”.

(2) Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

23. Nghị quyết số 289/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ chi tiết: 10.473 triệu đồng.

- Ngân sách Trung ương: 9.480 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 993 triệu đồng (Ngân sách cấp tỉnh 497 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện 496 triệu đồng).

24. Nghị quyết số 290/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021

Điều chỉnh số liệu quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2021 tại Điều 1 của Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh, như sau:

“2. Tổng thu ngân sách địa phương: 16.476.579 triệu đồng

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 5.151.777 -

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.498.451 -

- Thu kết dư ngân sách: 1.322.682 -

- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương: 8.167.101 -

- Thu từ Quỹ dự trữ tài chính: 146.268 -

- Thu từ cấp dưới nộp lên: 143.140 -

- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ: 47.160 -

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 15.863.065 triệu đồng

- Chi đầu tư phát triển: 3.208.223 -

- Chi thường xuyên: 9.016.814 -

- Chi trả lãi các khoản vay: 616 -

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 2.550 -

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 2.657.978 -

- Chi nộp ngân sách cấp trên:	956.019	-
- Chi trả nợ gốc:	20.865	-

4. Kết dư ngân sách địa phương: 613.514 triệu đồng

- Ngân sách cấp tỉnh:	181.538	-
- Ngân sách cấp huyện:	306.433	-
- Ngân sách xã:	125.543	-”

25. Nghị quyết số 291/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh tạm thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2023

Cho phép UBND tỉnh tạm thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh “Về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2023”.

26. Nghị quyết số 292/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về công tác cán bộ.

Trên đây là một số nội dung chính về kết quả Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XII diễn ra vào ngày 20/10/2023. Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phối hợp cùng Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn ứng cử tổ chức tiếp xúc cử tri, báo cáo kết quả Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành của tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, VP.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Đạt